

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2017/ HNGĐ-ST**

Ngày 05/10/2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Chất**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tọa

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Anh Đào**– Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Hương** –Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXX-ST ngày 01/9/2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985

* *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Quang N**, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Quang N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước vào ngày 04/6/2012. Trong quá trình chung sống bà H, ông N không hạnh phúc phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H, ông N bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông H có hành vi đánh đập bà H, ông, bà đã sống ly thân từ ngày 03/7/2017 đến nay, nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 31/01/2013 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bình Phước:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác: kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Nguyễn Quang N.

Về con chung: ông N và bà H có một con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 31/01/2013, bà H có nguyện vọng được nuôi cháu H1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Đây là nguyện vọng chính đáng của bà H nên cần được chấp nhận và yêu cầu cấp dưỡng không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Quang N, trú tại thôn S, xã Đ, huyện M, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào Điều 51 luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và hợp lệ và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho ông N nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N là đúng quy định của pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Trong quá trình chung sống bà H, ông N bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông N có hành vi đánh đập bà H, ông, bà đã sống ly thân từ ngày 03/7/2017 đến nay, bà H không còn thương yêu ông N; Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[4]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Khi ly hôn bà H có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 31/01/2013 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy nguyện vọng được nuôi con bà H là thỏa đáng, bởi lẽ cháu H1 còn nhỏ và là cháu gái nên để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định về thể chất và tinh thần của trẻ, cũng như vì tương lai sau này của cháu nên cần giao cháu H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, cần áp dụng Điều 58 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu Nguyễn Thị Mỹ H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung:* đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí: bà H phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quang N.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ H1 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: bà H phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018889 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- CC THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Chất